

TT	BỘ LUẬT HÌNH SỰ	LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN	GHI CHÚ
	Điều 98. Các hình phạt được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Giống nhau) Người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm: 1. Cảnh cáo; 2. Phạt tiền; 3. Cải tạo không giam giữ; 4. Tù có thời hạn.	Điều 115. Các hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội (Giống nhau) Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm: 1. Cảnh cáo; 2. Phạt tiền; 3. Cải tạo không giam giữ; 4. Tù có thời hạn.	
	Không quy định cụ thể	Điều 116. Cảnh cáo Cảnh cáo được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng do vô ý, phạm tội ít nghiêm trọng và có tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.	
	Điều 99. Phạt tiền Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng. Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định.	Điều 117. Phạt tiền (Bổ sung) 1. Phạt tiền được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng. 2. Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định. 3. Mức tiền phạt đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội không quá một phần ba mức tiền phạt mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định.	

	Điều 100. Cải tạo không giam giữ 1. Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý. 2. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.	Điều 118. Cải tạo không giam giữ (khác nhau) 1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng. 2. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội thì không khấu trừ thu nhập của họ. 3. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định.	
	Điều 101. Tù có thời hạn Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như sau: 1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;	Điều 119. Tù có thời hạn (sửa đổi, bổ sung) Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định như sau: 1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 15 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; 2. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự	

	2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.	được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định khi phạm một trong các tội sau đây: a) Tội giết người; b) Tội hiếp dâm; c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy; 3. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 09 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá hai phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; 4. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều	
--	---	---	--

		luật của Bộ luật Hình sự quy định khi phạm một trong các tội sau đây: a) Tội giết người; b) Tội hiếp dâm; c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy.	
	Điều 102. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (giống nhau về cách tính, nhưng khác nhau về mức hình phạt áp dụng) 1. Tòa án quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 57 của Bộ luật này. 2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không	Điều 120. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt. 1. Tòa án quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt theo các điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng. 2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định	

quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng. 3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Bộ luật này. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá một phần hai mức phạt quy định tại các Điều 99, 100 và 101 của Bộ luật này.	trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng. 3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại các Điều 117, 118 và 119 của Luật này. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại các Điều 117, 118 và 119 của Luật này.	
Điều 103. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội 1. Khi xét xử cùng một lần người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này. Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội. 2. Đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội,	Điều 121. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (sửa đổi) 1. Khi xét xử cùng một lần người chưa thành niên phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định của Bộ luật Hình sự. Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội. 2. Đối với người chưa thành niên phạm nhiều	

có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau: a) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này; b) Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau: a) Nếu mức hình phạt Toà án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này; b) Nếu mức hình phạt Toà án tuyên đối với tội	tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, việc tổng hợp hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, việc tổng hợp hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.	
--	--	--

	được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.		
	Điều 104. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án Việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước hoặc sau khi có bản án này, được thực hiện theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật này. Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 103 của Bộ luật này.	Điều 122. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (bổ sung) Việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước hoặc sau khi có bản án này thì được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp thì việc tổng hợp được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự. Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 121 của Luật này.	
	Điều 105. Giảm mức hình phạt đã tuyên 1. Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.	Điều 123. Giảm mức hình phạt đã tuyên (giống nhau) 1. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.	

	2. Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại. 3. Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.	2. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại. 3. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.	
	Không quy định riêng đối với người chưa thành niên. Nhưng khoản 1 Điều 65 quy định chung như sau: Điều 65. Án treo 1. Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. 2.	Điều 124. Án treo Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người chưa thành niên phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 03 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.	
	Không quy định riêng đối với người chưa thành niên, nhưng quy định chung tại Điều 67: Hoãn chấp hành hình phạt tù	Điều 125. Hoãn chấp hành hình phạt tù (bổ sung) Người chưa thành niên bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù trong các trường	

		hợp sau đây: 1. Các trường hợp có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù theo quy định của Bộ luật Hình sự (Điều 67. Hoãn chấp hành hình phạt tù) 2. Trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt tù đã đăng ký và đủ điều kiện tham gia hoặc đang tham gia kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, thi tốt nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi người đó học tập xác nhận thì có thể được hoãn cho đến khi thực hiện xong kỳ thi.	
	Điều 106. Tha tù trước hạn có điều kiện (khác nhau) 1. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66 của Bộ luật này có thể được tha tù trước hạn khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Phạm tội lần đầu; b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù; d) Có nơi cư trú rõ ràng. 2. Việc tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 66 của Bộ luật này.	Điều 126. Tha tù trước thời hạn có điều kiện (sửa đổi, bổ sung) 1. Người chưa thành niên đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; b) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù; c) Có nơi cư trú rõ ràng. 2. Thời điểm xét tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện ngay khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác và	

		tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị. 3. Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù. 4. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành. Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách, Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 122 của Luật này. 5. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.	
	Điều 107. Xóa án tích (khác nhau) 1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là	Điều 127. Xóa án tích 1. Người chưa thành niên bị kết án được coi là	

không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi; b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý; c) Người bị áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại Mục 3 Chương này (Điều 96. Giáo dục tại trường giáo dưỡng; Điều 97. Chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng) 2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây: a) 06 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo; b) 01 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; c) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm; d) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.	không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý. 2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây: a) 03 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo; b) 06 tháng trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; c) 01 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm; d) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.	
--	--	--

TT	BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ	LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN	GHI CHÚ
		Điều 129. Thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm 1. Thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đối với vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội không quá một phần hai thời hạn tương ứng được quy định tại <u>Bộ luật Tổ tụng hình sự</u>. Trường hợp vụ án có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc trong giai đoạn truy tố, xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát, Tòa án ra thông báo áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng thì được áp dụng quy định tương ứng về thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm quy định tại <u>Bộ luật Tổ tụng hình sự</u>.	
		Điều 135. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế 1. Các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm: a) Giữ người trong trường hợp khẩn cấp; b) Bắt người theo các trường hợp quy định tại <u>Bộ luật Tổ tụng hình sự</u>; c) Tạm giữ;	

		d) Tạm giam; đ) Giám sát điện tử; e) Giám sát bởi người đại diện; g) Bảo lĩnh; h) Đặt tiền để bảo đảm; i) Cấm đi khỏi nơi cư trú; k) Tạm hoãn xuất cảnh. 2. Các biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm: a) Áp giải, dẫn giải; b) Kê biên tài sản; c) Phong tỏa tài khoản.	
		Điều 136. Áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp 1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội phạm mà họ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của <u>Bộ luật Hình sự nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giữ người</u> trong trường hợp khẩn cấp quy định tại <u>Bộ luật Tổ tụng hình sự</u>. 2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại <u>Bộ luật Tổ tụng hình sự</u>.	Loại trừ tội phạm ít nghiêm trọng; tội phạm nghiêm trọng do vô ý
		Điều 137. Áp dụng biện pháp tạm giữ 3. Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ	Về cơ bản thì các điều kiện để quyết định tạm

		khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ một lần nhưng không quá 03 ngày.	giữ không khác. Khác về thời hạn gia hạn tạm giữ chỉ được 01 lần.
		Điều 138. Áp dụng biện pháp tạm giam 5. Thời hạn tạm giam đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo không quá một phần hai thời hạn tạm giam tương ứng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 151 của Luật này. Khi không còn căn cứ để tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kịp thời hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác. 6. Trường hợp người chưa thành niên là bị can, bị cáo đang bị tạm giam mà có thông báo áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng thì cơ quan tiến hành tố tụng xem xét tiếp tục tạm giam hoặc hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.	Về cơ bản các điều kiện tạm giam không quá nhiều thay đổi so với quy định tại Điều 119 BLTTHS. Thay đổi về thời hạn tạm giam không quá ½ so với Đ173 BLTTHS
		Điều 139. Áp dụng biện pháp giám sát điện tử 1. Giám sát điện tử là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân	Quy định mới

		thân của người chưa thành niên là bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được giám sát điện tử.	
		Điều 140. Áp dụng biện pháp giám sát bởi người đại diện 1. Giám sát bởi người đại diện có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.	
		Điều 142. Tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố 4. Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thụ lý vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội thì phải đề nghị Viện kiểm sát có thẩm quyền ra quyết định chuyển toàn bộ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.	
		Điều 143. Tách vụ án hình sự có người chưa thành niên 1. Trong vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên và người thành niên thì Cơ quan điều tra tách vụ án hình sự để giải quyết vụ án độc lập đối với bị can là người chưa thành niên.	
		Điều 146. Đối chất 1. Việc đối chất với người chưa thành niên chỉ được thực hiện trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án. 2. Việc đối chất đối với người chưa thành niên chỉ được tiến hành 01 lần trong một ngày và	

		không quá 02 giờ. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tạm dừng ngay việc đối chất khi người chưa thành niên có biểu hiện mệt mỏi, căng thẳng. 3. Khi tiến hành việc đối chất, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể bố trí cho người tham gia đối chất ngồi ở phòng cách ly và sử dụng thiết bị điện tử, màn che hoặc các biện pháp bảo vệ khác để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của người chưa thành niên. 4. Việc cho người chưa thành niên đối chất phải có mặt người đại diện hoặc người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.	
		Điều 147. Khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể 1. Việc khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên phải có sự tham gia của người đại diện của họ. 2. Bảo đảm thời gian khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể người chưa thành niên được tiến hành nhanh nhất	
		Điều 149. Phòng xử án thân thiện 1. Tòa án xét xử bị cáo là người chưa thành niên tại phòng xử án thân thiện. 2. Vị trí của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa trong phòng xử án được bố trí trên cùng một mặt phẳng. Người chưa thành niên là bị cáo tham gia tố	Quy định các thủ tục tố tụng thân thiện; Quy định vị trí ngồi của Phòng xét xử thân thiện.

		tụng tại phiên tòa được ngồi cạnh người bào chữa, người đại diện của họ. 3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.	
		Điều 150. Sự có mặt của người làm công tác xã hội Người làm công tác xã hội tham gia phiên tòa khi được Tòa án triệu tập. Nếu người làm công tác xã hội vắng mặt thì tùy từng trường hợp, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử.	Quy định mới về sự có mặt của người làm công tác xã hội và phát biểu về báo cáo điều tra xã hội.